

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024
“ V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Gia Văn Tính.

2. Bà Phan Thị Máy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKS nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết T - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án HNGĐ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị N**, sinh năm 1997.

Nơi ĐKKHKT: Bản Lát, **xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa.**

Nơi ở hiện nay: Bản Pọng, **xã T, huyện M, Thanh Hóa.** Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Số CCCD: 038197001763. Cấp ngày 12/7/2021. Nơi cấp: Cục C1 về trật tự xã hội.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn O, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKTT và nơi ở hiện nay: Bản Lát, xã T, huyện M, Thanh Hóa. Vắng mặt không có lý do.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Số CCCD: 038093027938. Cấp ngày 28/9/2021. Nơi cấp: Cục C1 về trật tự xã hội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hà Thị N trình bày:

Chị và anh Hà Văn O tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, anh chị tự nguyện đến với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn ngày 14/9/2022 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, gia đình anh, chị sống hòa thuận một thời gian và có với nhau 01 đứa con chung. Đến khoảng năm 2023 vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chồng là người nghiện rượu, mỗi lần say sưa về là chửi bới, dọa nạt, việc này đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh Hà Văn O vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi được. Chị cảm thấy thật mệt mỏi và bế tắc, chị không còn tình cảm với anh Hà Văn O nữa. Hiện tại, anh chị đã sống ly thân, chị đã về nhà ngoại ở bản P, xã T, huyện M để sinh sống. Chị cho rằng đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Hà Văn O.

Về con chung: Trong kỳ hôn nhân, anh chị có 01 con chung, tên cháu là Hà Thị Yến C, sinh ngày 23/12/2014 hiện tại cháu đang ở với bố tại bản Lát, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Nay xin ly hôn, chị có nguyện vọng muốn được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu, vì cháu là con gái nên cần sự chăm sóc đặc biệt từ người mẹ. Chị không yêu cầu anh Hà Văn O phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Hà Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Văn O trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Hà Thị N kết hôn ngày 14/9/2022 tại UBND xã T, huyện M, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian dài và có với nhau 01 đứa con chung, việc chị N nộp đơn xin ly hôn nói là anh chị không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và anh say rượu dọa nặn chị là không đúng, việc chị xin ly hôn anh, anh hoàn toàn không đồng ý vì anh cho rằng mâu thuẫn trong cuộc sống chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt, chưa đến mức trầm trọng và anh yêu cầu Tòa án không chấp nhận việc xin ly hôn giữa anh và chị Hà Thị N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị có 01 con chung tên cháu là Hà Thị Yến C, sinh ngày 23/12/2014, hiện tại cháu đang ở với anh tại bản Lát, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Anh không yêu cầu chị Hà Thị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Hà Văn O không có ý kiến.
Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nơi anh chị cư trú, đại diện bản Lát cho biết: Anh Hà Văn O và chị Hà Thị N có hộ khẩu thường trú tại bản Lát, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì trưởng bản không nắm được, chỉ biết là chị Hà Thị N đã về nhà ngoại để sống và đi làm ở tỉnh ngoài, lâu nay không về tại bản Lát, xã T, chắc anh chị đã sống ly thân.

Về điều kiện sống: Anh Hà Văn O và chị Hà Thị N đều không có nhà riêng, anh Hà Văn O sống với mẹ già tại ngôi nhà cấp 4 nhỏ tại bản Lát, ngôi nhà do bố mẹ anh Hà Văn O xây đã lâu, ngôi nhà có đầy đủ đồ dùng cơ bản, gần trường học và ủy ban xã, anh Hà Văn O đi làm thuê, thu nhập không ổn định, bố đã mất, mẹ đã hết tuổi lao động. Chị Hà Thị N đang ở với bố mẹ đẻ và đang đi làm thuê ở tỉnh ngoài. Anh chị đều không có tiền án, tiền sự không ai vi phạm pháp luật.

Chị Hà Thị É là hàng xóm của anh Hà Văn O và chị Hà Thị N cho biết: Chị cũng không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn của gia đình anh Hà Văn O chị Hà Thị N chỉ biết là chị Hà Thị N đi làm thuê từ lâu và không về thăm nhà, mỗi lần về quê chị đều về nhà ngoại ở.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát đã ghi nguyện vọng của cháu **Hà Thị Yến C** thì cháu cho biết: Hiện nay cháu đang ở với bố tại bản Lát, **xã T, huyện M**. Nếu bố mẹ cháu mà ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, vì mẹ nuôi cháu tốt hơn.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật tranh chấp, về thẩm quyền, về người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử.

Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị **Hà Thị N** đối với anh **Hà Văn O**.

Về con chung và cấp dưỡng: Chị **Hà Thị N** và anh **Hà Văn O** có 01 người con chung, đề nghị HĐXX giao cháu **Hà Thị Yến C**, sinh ngày 23/12/2014 cho chị **Hà Thị N** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; anh **Hà Văn O** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh **Hà Văn O** được quyền và nghĩa vụ qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho chị **Hà Thị N**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Hà Thị N có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con với anh Hà Văn O, nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đã có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ 02 lần, nhưng đều không có mặt. Nên, HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị N có đơn khởi kiện đối với anh Hà Văn O vào ngày 17/6/2024, nên chị Hà Thị N được xác định là nguyên đơn, còn anh Hà Văn O là bị đơn, theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng khi triệu tập tham gia phiên tòa tổng đạt văn bản tố tụng thì đã không chấp hành, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Như vậy, cho thấy bị đơn đã chấp hành chưa tốt quyền và nghĩa vụ.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị N, thì HĐXX nhận định: Chị Hà Thị N và anh Hà Văn O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/9/2022. Hai bên thừa nhận việc kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, được tổ chức theo phong tục, tập quán địa phương. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh chị không vi phạm các quy định về độ tuổi, về điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, thời kỳ hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi chung sống thì anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm, thường hay gây gổ, cãi vã nhau, dẫn đến không khí

gia đình luôn căng thẳng. Anh Hà Văn O thì cho rằng, anh đang còn thương yêu vợ, việc mâu thuẫn thì có nhưng không đáng kể, nhưng anh không làm cho vợ anh yên tâm, không chứng minh cho cho Hà Thị N thấy được điều đó, lại thường xuyên uống rượu say về chửi bới, dọa nạt vợ.

Như vậy, HĐXX thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị N và anh Hà Văn O đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau (anh, chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai), đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung vợ chồng, nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hà Thị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Hà Thị N và anh Hà Văn O có 01 con chung là cháu là Hà Thị Yến C, sinh ngày 23/12/2014. Xét thấy, trách nhiệm nuôi con chung là của cả bố và mẹ đối với con chưa thành niên, việc anh chị ly hôn làm phát sinh tranh chấp quyền nuôi con. Tại thời điểm giải quyết vụ án cháu Hà Thị Yến C hiện tại đã 10 tuổi, cháu phát triển bình thường về thể chất, nay anh chị ly hôn không thỏa thuận được việc nuôi con. Do đó việc giao con cho một trong các bên có quyền nuôi dưỡng, được xem xét trên môi trường giáo dục để các cháu có sự phát triển về mọi mặt, phù hợp với giới tính, điều kiện chăm sóc, tâm sinh lý của của cháu, cũng như thu nhập của mỗi bên và nguyện vọng của các cháu. Anh chị đều là lao động tự do, thu nhập cơ bản là ngang nhau, chị Hà Thị N đã sao kê tài khoản ngân hàng về tiền lương hàng tháng chị được hưởng, anh Hà Văn O thì làm tự do không cố định. Ngoài ra, cháu Hà Thị Yến C là con gái và nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ. Vì vậy, HĐXX giao cháu Hà Thị Yến C cho chị Hà Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị N không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

[4]. Về án phí: Chị Hà Thị N là người dân tộc thiểu số (T), thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KH-XH đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị N.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Hà Văn O.

1.2. Về con chung: Giao cháu Hà Thị Yến C, sinh ngày 23/12/2014 cho chị Hà Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Hà Văn O có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi cần thiết, anh Hà Văn O có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật; Chị Hà Thị N có quyền làm đơn đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho chị Hà Thị N

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Tam Chung, H. Mường Lát;
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng